

Bản án số: 39/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 29 - 7 - 2022

V/v tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ An Quân.

2. Ông Bùi Văn Thiệu

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tp Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1986; ĐKKHKT: Thôn C, xã T, thành phố Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã T, thành phố Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố Hải Dương;

3. *Người làm chứng:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; Điều trú tại: Thôn C, xã T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn D, xã T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T và những người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Bùi Thị Đ trình bày: Chị và anh Phạm Văn T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là tp Hải Dương) tỉnh Hải Dương ngày 05 tháng 9 năm 2004. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc

sống, anh T mãi chơi, không có trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng chị, chán nản chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ tháng 01/2022 cho tới nay, trong thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh T không sang tìm gọi chị về để vợ chồng chung sống, chị thấy không thể tiếp tục chung sống được với anh T nên không quay về chung sống. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có một con là Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 20/01/2016, hiện nay con đang ở với anh T, ly hôn nguyện vọng của con Đ muốn ở với anh T nên chị đồng ý để cho anh T được tiếp tục nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Phạm Văn T là bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống giữa anh chị đúng như chị Đ trình bày, còn về mâu thuẫn là do không thống nhất về quan điểm sống và sinh hoạt gia đình. Anh mong muốn chị Đ quay về chung sống với anh, còn nếu chị Đ cứ cương quyết xin ly hôn với anh, anh nhất trí ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Vợ chồng có một con như chị Đ trình bày là đúng, nguyện vọng anh muốn được tiếp tục nuôi con Phạm Tuấn Đ, anh tự nguyện không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L là bố mẹ đẻ của anh T trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị Đ không thông cảm với anh T nên dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Nay chị Đ xin ly hôn với anh T, quan điểm của ông bà mong muốn anh, chị đoàn tụ với nhau còn chị Đ cứ cương quyết xin ly hôn với anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 20/01/2006 ngày 28/12/2008.

Bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ chị Đ trình bày: Vợ chồng hạnh phúc hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không thương yêu chị Đ, chị Đ đã về ăn ở cùng với bà, nay chị Đ xin ly hôn với anh T bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Đ để hai bên ổn định cuộc sống.

Con Phạm Tuấn Đ nguyện vọng muốn được ở với anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13 tháng 7 năm 2022, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T, đồng ý để cho anh T được tiếp tục nuôi con Phạm Tuấn Đ. Anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Đ là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án,

các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của BLTTDS; Tại phiên tòa, chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị Đ, anh T là đúng quy định pháp luật Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Đ đề nghị xử cho chị Bùi Thị Đ được ly hôn anh Phạm Văn T; Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 20/01/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn T đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn là chị Bùi Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn T vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là tp Hải Dương) tỉnh Hải Dương ngày 05/9/2004. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 01/2022, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Nay cả chị Đ, anh T đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh T thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện ly hôn của chị Đ, anh T không trái pháp luật, căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Đ được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 20/01/2016, hiện đang ở với anh T. Anh, chị thống nhất thỏa thuận anh T trực tiếp nuôi con Đ, anh T tự nguyện không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng cho con. Thỏa thuận của anh chị về

việc nuôi con phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con nên cần chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị Đ, anh T đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đ khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Đ. Xử cho chị Bùi Thị Đ ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Phạm Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Phạm Tuấn Đ, sinh ngày 20/01/2016, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T chị Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0001939 ngày 13/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (Chị Đ nộp biên lai cho Tòa án ngày 18/4/2022).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS tp. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Tú

